

DANH MỤC THỰC ĐƠN HÀNG NGÀY CỦA HỌC SINH BÁN TRÚ THÁNG 02 NĂM 2025

Từ ngày 02/02/2025 đến ngày 28/02/2025

(Kèm theo QĐ số: 24/QĐ-THCC2, ngày 12/9/2024 của Hội đồng Trường PTDTBT Tiểu Học Chung Chải Số 2. Về việc quyết định phê duyệt thực đơn nấu ăn cho học sinh bán trú năm học 2024-2025)



Danh mục thực phẩm

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Chủ Nhật (Ngày 02; 09; 16; 23 Tháng 02/2025)	1	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	37,76	140.000	5.286.400	Bữa Tối
	2	Quả su su	Kg	14,00	23.000	322.000	Thịt lợn xào su su
	3	Rau bắp cải trắng	Kg	10,60	15.000	159.000	Canh rau cải
	4	Hành lá	Kg	0,60	65.000	39.000	
	5	Muối biển sạch	Gói	1,00	12.000	12.000	
	6	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	7	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,20	63.000	12.600	
	8	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	70.000	14.000	
	Tổng					5.880.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 2 (Ngày 03; 10; 17; 24 Tháng 02/2025)	1	Bánh rán gạo nếp(1suất=3cái)	Suất	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	27,00	140.000	3.780.000	Bánh rán gạo nếp
	3	Giá đỗ	Kg	19,00	30.000	570.000	Bữa Trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	15,00	15.000	225.000	Thịt lợn xào giá đỗ
	5	Gà ta lai (gà sống)	Kg	49,00	110.000	5.390.000	Canh rau cải
	6	Gừng	Kg	0,60	40.000	24.000	
	7	Quả su su	Kg	15,00	23.000	345.000	Bữa Tối
	8	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Gà rang gừng
	9	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh su su
	10	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	11	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	1,00	63.000	63.000	
	12	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	13	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
	Tổng					13.818.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 3 (Ngày 04; 11; 18; 25 Tháng 02/2025)	1	Xôi đỗ xanh (lạc)	Gói	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	34,00	140.000	4.760.000	Xôi đỗ xanh (lạc)
	3	Đậu phụ	Kg	25,00	25.000	625.000	Bữa Trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	16,00	15.000	240.000	Thịt lợn nấu đậu phụ (Đậu phụ rán)
	5	Chả cá	Kg	34,00	120.000	4.080.000	Canh rau cải
	6	Quả cà chua	Kg	5,70	25.000	142.500	
	7	Quả bí xanh	Kg	17,50	17.000	297.500	Bữa Tối
	8	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Chả cá rán sốt cà chua
	9	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	
	10	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Canh bí xanh
	11	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	4,00	63.000	252.000	
	12	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	13	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
	Tổng					13.818.000	

Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 4 (Ngày 05; 12; 19; 26 Tháng 02/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	294,00	3.500	1.029.000	Bữa Sáng
	2	Giò nạc lợn (giò lụa)	Kg	30,00	160.000	4.800.000	Mì tôm
	3	Đỗ quả	Kg	5,00	35.000	175.000	Bữa Trưa
	4	Cà rốt	Kg	5,00	25.000	125.000	Sào thập cẩm giò nạc lợn + Đỗ quả + Cà rốt
	5	Rau bắp cải trắng	Kg	15,00	15.000	225.000	
	6	Gà ta lai (gà sống)	Kg	49,00	110.000	5.390.000	Cà rốt
	7	Gừng	Kg	0,70	40.000	28.000	Canh rau cải
	8	Quả bí đỏ	Kg	16,30	20.000	326.000	
	9	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Bữa Tối
	10	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Gà rang gừng
	11	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	Canh bí đỏ
	12	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	1,00	63.000	63.000	
	13	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	14	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.818.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 5 (Ngày 06; 13; 20; 27 Tháng 02/2025)	1	Bánh rán gạo nếp(1 suất=3 cái)	Suất	294,00	6.000	1.764.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	29,00	140.000	4.060.000	Bánh rán gạo nếp
	3	Đậu phụ	Kg	21,00	25.000	525.000	Bữa trưa
	4	Rau bắp cải trắng	Kg	15,00	15.000	225.000	Thịt lợn nấu đậu phụ (Đậu phụ rán)
	5	Gà ta lai (gà sống)	Kg	45,00	110.000	4.950.000	
	6	Gừng	Kg	1,00	40.000	40.000	Canh rau cải
	7	Quả su su	Kg	15,00	23.000	345.000	Bữa Tối
	8	Hành lá	Kg	1,00	65.000	65.000	Gà rang gừng
	9	Muối biển sạch	Gói	2,00	12.000	24.000	Canh su su
	10	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	2,00	35.000	70.000	
	11	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	4,00	63.000	252.000	
	12	Mỳ chính Vedan	Kg	0,40	70.000	28.000	
	13	Sữa đậu nành Fami (200ml)	Hộp	294,00	5.000	1.470.000	Phát sau giờ ngủ trưa
Tổng						13.818.000	
Thứ	Stt	Thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Món ăn
Thứ 6 (Ngày 07; 14; 21; 28 Tháng 02/2025)	1	Mì tôm Kokomi	Gói	294,00	3.500	1.029.000	Bữa Sáng
	2	Thịt lợn mông, vai, ba chỉ	Kg	42,70	140.000	5.978.000	Mì tôm
	3	Gói gia vị thịt kho tàu	Gói	22,00	10.000	220.000	Bữa trưa
	4	Quả su su	Kg	13,80	23.000	317.400	Thịt lợn kho tàu
	5	Hành lá	Kg	0,40	65.000	26.000	Canh su su
	6	Muối biển sạch	Gói	1,00	12.000	12.000	
	7	Nước rửa chén Sunlight 750g	Chai	1,00	35.000	35.000	
	8	Dầu ăn Vạn Thọ	Lít	0,20	63.000	12.600	
	9	Mỳ chính Vedan	Kg	0,20	70.000	14.000	
Tổng						7.644.000	

Thực đơn sẽ được điều chỉnh kịp thời khi có biến động về giá cả thị trường hoặc biến động về số lượng học sinh

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Đức Thiện



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Trịnh Văn Lập